TÒA ÁN ND TP.THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 648/2018/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 790/2018/TLST/HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Tổ C, phường Tr, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Kiên Đ, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Tổ C, phường Tr, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Kiên Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Kiên Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai vợ chồng có hai con chung, con lớn tên là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 29/10/2007 và con nhỏ tên là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/6/2012. Sau khi ly hôn các đương sự thống nhất chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu. Tòa án không giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006950 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên; Hoàn trả chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết Đ này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP.Thái Nguyên;
- T.H.A DS TP.Thái Nguyên;
- UBND phường Trung Thành, TP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thu Thuận